UBND TỈNH SÓC TRĂNG **HỘI KHUYẾN HỌC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 82/HKH-VP V/v thông báo kết quả xét chọn học sinh, sinh viên nhận học bổng khuyến học, khuyến tài "Lương Định Của" năm 2020	*Sóc Trăng, ngày 17 tháng 8 năm 2020*

Kính gửi:

- Hiệu trưởng trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng;
- Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nghề Sóc Trăng;
- Hiệu trưởng các trường Trung học phổ thông;

tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ Kế hoạch số 147/KH-HKH ngày 06/11/2018 của Hội Khuyến học tỉnh Sóc Trăng về việc cấp học bổng khuyến học, khuyến tài "Lương Định Của" cho học sinh, sinh viên vượt khó hiếu học năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1139/QĐ-SGDĐT ngày 20/7/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Sóc Trăng về việc công nhận học sinh đạt giải kỳ thi chọn học sinh giỏi Trung học phổ thông cấp tỉnh năm 2020;

Căn cứ Công văn số 68/HKH-VP ngày 06/7/2020 của Hội Khuyến học tỉnh Sóc Trăng về việc xét chọn học sinh, sinh viên nhận học bổng khuyến học, khuyến tài "Lương Định Của" năm 2020;

Hội Khuyến học tỉnh Sóc Trăng thông báo đến Hiệu trưởng các trường THPT và Cao đẳng trong tỉnh kết quả xét chọn học sinh, sinh viên nhận học bổng khuyến học, khuyến tài "Lương Định Của" năm 2020 *(đính kèm danh sách)*.

Thời gian và địa điểm tổ chức trao học bổng như sau:

- Thời gian: ***Vào lúc 7 giờ 30 phút, ngày 04/9/2020 (thứ Sáu).***

- Địa điểm: ***Trung tâm Văn hóa Hội nghị tỉnh Sóc Trăng. Số 04, đường Trần Phú, phường 2, thành phố Sóc Trăng.***

Để buổi lễ trao học bổng được thành công tốt đẹp. Đề nghị Hiệu trưởng các trường THPT và Cao đẳng thông báo và tổ chức đưa học sinh, sinh viên đến nhận học bổng đầy đủ, đúng thời gian, địa điểm nêu trên./.

**** Lưu ý:***

- Học sinh, sinh viên dự lễ trao học bổng mặc đồng phục của trường;

- Trường hợp học sinh, sinh viên vắng mặt không rõ lý do, phần học bổng sẽ hoàn trả lại cho nhà tài trợ. Mọi thắc mắc về sau chúng tôi không chịu trách nhiệm.

Chi tiết xin liên hệ: Đ/c Nguyễn Văn Phong; sđt:0945515727; 0976 559 320.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Sở GD&ĐT (để b/c);
- Cty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Sóc Trăng (để b/c);
- TT Hội Khuyến học tỉnh (để b/c);
- Website Sở GD&ĐT; Website Hội KH tỉnh;
- Lưu: VT,KT.

TM. BCH TỈNH HỘI
CHỦ TỊCH

HỘI KHUYẾN HỌC TỈNH SÓC TRĂNG
BAN CHẤP HÀNH

NGND Lâm Es

DANH SÁCH

Học sinh, sinh viên các trường THPT, Cao đẳng tỉnh Sóc Trăng
Được xét cấp học bổng khuyến học, khuyến tài "Lương Định Của" năm 2020

(Kèm theo Công văn số 82 /HKH-VP ngày 17 /8/2020 của BCH Hội Khuyến học tỉnh Sóc Trăng)

STT	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Trường	Lớp	Xếp loại	
		Nam	Nữ				Học lực	Hạnh kiểm
A	**KHUYẾN TÀI**				**50 SUẤT**			
1	Dương Văn Phát	2003		Kinh	THPT Trần Văn Bảy	10C	Giỏi	Tốt
2	Dương Công Đoàn	2003		Kinh	THPT Trần Văn Bảy	11A	Giỏi	Tốt
3	Nguyễn Hồng Đào		2003	Kinh	THPT Trần Văn Bảy	11A	Giỏi	Tốt
4	Lý Thị Loan		2003	Khmer	THPT DTNT Huỳnh Cương	11A6	Giỏi	Tốt
5	Hồ Ngọc Trâm		2004	Hoa	THPT Mỹ Hương	10C2	Giỏi	Tốt
6	Lâm Yến Linh		2004	Hoa	THPT Nguyễn Khuyến	10A1	Giỏi	Tốt
7	Trần Thị Bích Quyền		2003	Kinh	THPT Huỳnh Hữa Nghĩa	11A4	Giỏi	Tốt
8	Nguyễn Hồng Danh Danh		2003	Kinh	THPT Huỳnh Hữa Nghĩa	11A1	Giỏi	Tốt
9	Vương Gia Huy	2002		Hoa	THPT Chuyên NTMK	12A1	Giỏi	Tốt
10	Lê Mẫn Đạt	2002		Kinh	THPT Chuyên NTMK	12A2	Giỏi	Tốt
11	Trương Minh Quân	2003		Hoa	THPT Chuyên NTMK	11A5	Giỏi	Tốt
12	Nguyễn Trần Cát Tường		2002	Kinh	THPT Chuyên NTMK	12A8	Giỏi	Tốt
13	Nguyễn Hải Triều	2002		Kinh	THPT Chuyên NTMK	12A2	Giỏi	Tốt
14	Lâm Hoàng Tiến	2003		Kinh	THPT Chuyên NTMK	11A6	Giỏi	Tốt
15	Lê Sỹ Hùng	2003		Kinh	THPT Chuyên NTMK	11A2	Giỏi	Tốt
16	Tiêu Ân Tuấn	2003		Hoa	THPT Chuyên NTMK	11A4	Giỏi	Tốt
17	Nguyễn Quang Vinh	2003		Kinh	THPT Chuyên NTMK	11A4	Giỏi	Tốt
18	Nguyễn Trọng Đạt	2003		Kinh	THPT Chuyên NTMK	11A5	Giỏi	Tốt
19	Nguyễn Lưu Trọng Tấn	2003		Kinh	THPT Chuyên NTMK	11A4	Giỏi	Tốt
20	Nguyễn Việt Tấn	2003		Kinh	THPT Chuyên NTMK	11A4	Giỏi	Tốt
21	Lâm Khánh Hòa	2003		Kinh	THPT Chuyên NTMK	11A2	Giỏi	Tốt
22	Hứa Thị Thảo Nguyên		2003	Kinh	THPT Chuyên NTMK	11A8	Giỏi	Tốt
23	Trần Minh Như		2003	Kinh	THPT Chuyên NTMK	11A8	Giỏi	Tốt
24	Trầm Chí Tín	2003		Khmer	THPT Chuyên NTMK	11A2	Giỏi	Tốt
25	Trịnh Ích Khánh	2003		Hoa	THPT Chuyên NTMK	11A6	Giỏi	Tốt
26	Nguyễn Quang Thịnh	2004		Kinh	THPT Chuyên NTMK	10A1	Giỏi	Tốt
27	Lê Ngọc Minh Khuê		2003	Kinh	THPT Chuyên NTMK	11A9	Giỏi	Tốt
28	Huỳnh Anh Thái	2003		Kinh	THPT Chuyên NTMK	11A6	Giỏi	Tốt
29	Nguyễn Đức Thọ	2004		Kinh	THPT Chuyên NTMK	10A1	Giỏi	Tốt
30	Huỳnh Hòa Bình	2003		Hoa	THPT Chuyên NTMK	11A8	Giỏi	Tốt
31	Dương Hoàng Sang	2003		Kinh	THPT Chuyên NTMK	11A10	Giỏi	Tốt
32	Hồng Nguyên Khôi	2003		Kinh	THPT Chuyên NTMK	11A1	Giỏi	Tốt
33	Lâm Bảo Yến		2003	Kinh	THPT Chuyên NTMK	11A5	Giỏi	Tốt
34	Trịnh Phan Thanh Lam		2003	Hoa	THPT Chuyên NTMK	11A5	Giỏi	Tốt
35	Nguyễn Cao Minh	2003		Kinh	THPT Chuyên NTMK	11A2	Giỏi	Tốt
36	Nguyễn Văn Tú	2004		Kinh	THPT Chuyên NTMK	10A2	Giỏi	Tốt
37	Thái Minh Lập	2004		Kinh	THPT Chuyên NTMK	10A5	Giỏi	Tốt
38	Huỳnh Hữu Phúc	2003		Hoa	THPT Chuyên NTMK	11A10	Giỏi	Tốt

STT	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Trường	Lớp	Xếp loại	
		Nam	Nữ				Học lực	Hạnh kiểm
39	Trần Trọng Phúc	2004		Kinh	THPT Chuyên NTMK	10A1	Giỏi	Tốt
40	Đậu Đức Quân	2003		Kinh	THPT Chuyên NTMK	11A2	Giỏi	Tốt
41	Nguyễn Hồ Bảo Nhi		2004	Kinh	THPT Chuyên NTMK	10A6	Giỏi	Tốt
42	Lý Phi Lân	2003		Kinh	THPT Chuyên NTMK	11A4	Giỏi	Tốt
43	Nguyễn Cường Thịnh	2003		Kinh	THPT Chuyên NTMK	11A1	Giỏi	Tốt
44	Trần Phương Tiệp		2004	Kinh	THPT Chuyên NTMK	10A1	Giỏi	Tốt
45	Võ Tấn Thời	2004		Kinh	THPT Chuyên NTMK	10A3	Giỏi	Tốt
46	Hoàng Triều Ái Minh	2003		Hoa	THPT Kế Sách	11A2	Giỏi	Tốt
47	Phạm Trường Hưng	2003		Kinh	THPT Phú Tâm	11A5	Giỏi	Tốt
48	Nguyễn Trọng Nguyễn	2003		Kinh	THPT Thạnh Tân	11A1	Giỏi	Tốt
49	Lâm Văn Quí	2001		Kinh	THPT Mai Thanh Thế	11C4	Giỏi	Tốt
50	Lương Hoài Phong	2004		Kinh	THPT Mỹ Xuyên	10A2	Giỏi	Tốt
B	**KHUYẾN HỌC**				**305 SUẤT**			
51	Huỳnh Thị Tuyết Minh		2002	Hoa	THPT Chuyên NTMK	12A6	Giỏi	Tốt
52	Thái Ngọc Như Ý		2002	Khmer	THPT Chuyên NTMK	12A7	Giỏi	Tốt
53	Trần Quốc Bảo	2002		Kinh	THPT Chuyên NTMK	12A7	Giỏi	Tốt
54	Tạ Lâm Kim Ngân		2002	Kinh	THPT Chuyên NTMK	12A2	Giỏi	Tốt
55	Tiết Quốc Bảo	2002		Kinh	THPT Chuyên NTMK	12A1	Giỏi	Tốt
56	Nhan Ngọc Hân		2003	Kinh	THPT Chuyên NTMK	11A8	Giỏi	Tốt
57	Trần Thị Thúy Hòa		2003	Kinh	THPT Hoàng Diệu	11A1	Khá	Tốt
58	Lý Kim Ngọc Quí		2003	Hoa	THPT Hoàng Diệu	11A4	Khá	Tốt
59	Trương Thúy Vi		2003	Khmer	THPT Hoàng Diệu	11A5	Giỏi	Tốt
60	Nguyễn Công Đức	2003		Kinh	THPT Hoàng Diệu	11A7	Giỏi	Tốt
61	Nguyễn Trung Tín	2003		Kinh	THPT Hoàng Diệu	11A7	Giỏi	Tốt
62	Lê Nguyễn Nhựt Lam		2003	Kinh	THPT Hoàng Diệu	11A9	Khá	Tốt
63	Thạch Thái Thảo Quyên		2003	Khmer	THPT Hoàng Diệu	11A10	Giỏi	Tốt
64	Trần Giang Như Ngọc		2003	Kinh	THPT Hoàng Diệu	11A11	Khá	Tốt
65	Trần Thanh Thơ		2003	Kinh	THPT Hoàng Diệu	11A15	Khá	Tốt
66	Phạm Thị Ngọc Nhi		2003	Kinh	THPT Hoàng Diệu	11A16	Khá	Tốt
67	Vũ Thụy Yến Trúc		2003	Kinh	THPT Hoàng Diệu	11A16	Khá	Tốt
68	Thạch Thị Thanh Trúc		2004	Khmer	THPT Hoàng Diệu	10A1	Giỏi	Tốt
69	Nguyễn Thạch Thu Huy		2004	Kinh	THPT Hoàng Diệu	10A4	Giỏi	Tốt
70	Trần Thái Toàn	2004		Kinh	THPT Hoàng Diệu	10A7	Giỏi	Tốt
71	Lê Kim Ngân		2004	Kinh	THPT Hoàng Diệu	10A9	Giỏi	Tốt
72	Lâm Gia Phú	2004		Hoa	THPT Hoàng Diệu	10A11	Giỏi	Tốt
73	Lý Như Quỳnh		2004	Khmer	THPT Hoàng Diệu	10A12	Giỏi	Tốt
74	Thạch Thị Hồng Trinh		2004	Khmer	THPT Hoàng Diệu	10A13	Khá	Tốt
75	Nguyễn Mỹ Hiền		2004	Kinh	THPT Hoàng Diệu	10A15	Giỏi	Tốt
76	Sơn Thị Bé Nguyên		2004	Khmer	THPT Hoàng Diệu	10A15	Khá	Tốt
77	Trang Hoàng Duy	2004		Kinh	THPT Hoàng Diệu	10A15	Khá	Tốt
78	Thạch Phước Thuận	2003		Khmer	THPT DTNT Huỳnh Cương	11A3	Giỏi	Tốt
79	Lâm Thị Thu Thủy		2004	Khmer	THPT DTNT Huỳnh Cương	10A1	Khá	Tốt
80	Thạch Nam Sứ	2002		Khmer	THPT DTNT Huỳnh Cương	11A5	Giỏi	Tốt
81	Đinh Thị Minh Thư		2003	Khmer	THPT DTNT Huỳnh Cương	11A6	Giỏi	Tốt
82	Liêu Quốc Hạnh	2002		Khmer	THPT DTNT Huỳnh Cương	12A5	Khá	Tốt
83	Thạch Thị Thanh Tiền		2004	Khmer	THPT DTNT Huỳnh Cương	10A6	Khá	Tốt

STT	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Trường	Lớp	Xếp loại	
		Nam	Nữ				Học lực	Hạnh kiểm
84	Lê Hoàng Huy	2002		Kinh	THPT Thành phố Sóc Trăng	12A5	Khá	Tốt
85	Huỳnh Thị Linh		2002	Hoa	THPT Thành phố Sóc Trăng	12C1	Khá	Tốt
86	Huỳnh Diễm Trang		2002	Khmer	THPT Thành phố Sóc Trăng	12C4	Khá	Tốt
87	Chu Thị Thanh Tuyền		2004	Tày	THPT Thành phố Sóc Trăng	10A1	Khá	Tốt
88	Quách Nhật Quang	2003		Hoa	THPT Thành phố Sóc Trăng	11A4	Giỏi	Tốt
89	Dương Hoài Thanh	2004		Kinh	THPT Thành phố Sóc Trăng	10C3	Khá	Tốt
90	Phương Nhật Khang	2002		Hoa	THPT Thành phố Sóc Trăng	12A3	Khá	Tốt
91	Triệu Lâm Quốc Bình	2002		Khmer	THPT Thành phố Sóc Trăng	12C7	Khá	Tốt
92	Sơn Thị Hồng Đào		2002	Khmer	THPT Thành phố Sóc Trăng	12C2	Khá	Tốt
93	Trần Kim	2002		Khmer	THPT Thành phố Sóc Trăng	12C2	Khá	Tốt
94	Lâm Hữu Tài	2004		Hoa	THPT Thành phố Sóc Trăng	10C2	Khá	Tốt
95	Lâm Thị Thanh Thúy		2002	Khmer	THPT Thành phố Sóc Trăng	11A5	Khá	Tốt
96	Huỳnh Thị Ngọc Mai		2002	Khmer	THPT Thành phố Sóc Trăng	12C5	Giỏi	Tốt
97	Lữ Thị Thanh Ngân		2002	Kinh	THPT Thành phố Sóc Trăng	12C8	Khá	Tốt
98	Lâm Sơn Thùy Dương		2003	Khmer	THPT Thành phố Sóc Trăng	11C5	Khá	Tốt
99	Trần Tấn Tài		2002	Khmer	THPT Thành phố Sóc Trăng	12C2	Khá	Tốt
100	Trần Thị Trúc		2004	Kinh	THPT Kế Sách	10A2	Giỏi	Tốt
101	Lưu Ngọc Huỳnh		2004	Kinh	THPT Kế Sách	10A4	Giỏi	Tốt
102	Đặng Thị Kiều Oanh		2004	Kinh	THPT Kế Sách	10A6	Giỏi	Tốt
103	Trần Quốc Trọng	2004		Kinh	THPT Kế Sách	10A7	Khá	Tốt
104	Tô Hữu Thiện	2004		Kinh	THPT Kế Sách	10A8	Khá	Tốt
105	Trần Thị Diệu		2004	Khmer	THPT Kế Sách	10A9	Khá	Tốt
106	Nguyễn Thanh Mỹ Anh		2003	Kinh	THPT Kế Sách	11A4	Giỏi	Tốt
107	Kim Như Ý		2004	Kinh	THPT Kế Sách	10A3	Giỏi	Tốt
108	Nguyễn Thị Vân Anh		2002	Kinh	THPT Kế Sách	11A2	Giỏi	Tốt
109	Lâm Thị Diễm Trinh		2003	Kinh	THPT Kế Sách	11A3	Giỏi	Tốt
110	Mai Thị Hồng Đang		2003	Khmer	THPT Kế Sách	11A9	Giỏi	Tốt
111	Trần Thanh Kim Hòa		2003	Kinh	THPT Kế Sách	11A5	Giỏi	Tốt
112	Trần Thúy Vi		2003	Kinh	THPT Kế Sách	11A6	Giỏi	Tốt
113	Ngô Thị Như Ý		2003	Kinh	THPT Kế Sách	11A8	Khá	Tốt
114	Nguyễn Quý Quốc	2003		Kinh	THPT Kế Sách	11A9	Khá	Tốt
115	Nguyễn Thị Huỳnh Như		2002	Kinh	THPT An Lạc Thôn	12A3	Khá	Tốt
116	Nguyễn Thị Phương Thảo		2002	Kinh	THPT An Lạc Thôn	12A4	Giỏi	Tốt
117	Nguyễn Thị Thu Hương		2002	Kinh	THPT An Lạc Thôn	12A4	Khá	Tốt
118	Võ Thị Phụng		2002	Kinh	THPT An Lạc Thôn	12A6	Khá	Tốt
119	Trần Minh Thành	2003		Kinh	THPT An Lạc Thôn	11A1	Khá	Tốt
120	Nguyễn Trọng Nhân	2003		Kinh	THPT An Lạc Thôn	11A2	Giỏi	Tốt
121	Huỳnh Thị Ngọc Trâm		2003	Kinh	THPT An Lạc Thôn	11A7	Khá	Tốt
122	Võ Minh Tiến	2004		Kinh	THPT An Lạc Thôn	10A1	Giỏi	Tốt
123	Ung Phạm Ngọc Hân		2004	Kinh	THPT An Lạc Thôn	10A1	Giỏi	Tốt
124	Huỳnh Như		2003	Kinh	THPT Phan Văn Hùng	11C1	Giỏi	Tốt
125	Phạm Công Hoàng	2003		Kinh	THPT Phan Văn Hùng	11C2	Khá	Tốt
126	Phạm Thị Huỳnh Trân		2003	Kinh	THPT Phan Văn Hùng	11C3	Giỏi	Tốt
127	Lê Chà My		2004	Kinh	THPT Phan Văn Hùng	10C1	Giỏi	Tốt
128	Đỗ Thị Ngọc Uyên		2004	Kinh	THPT Phan Văn Hùng	10C1	Giỏi	Tốt
129	Trương Thị Bé Trinh		2004	Kinh	THPT Phan Văn Hùng	10C2	Khá	Tốt
130	Đỗ Minh Hoài	2003		Kinh	THPT Phan Văn Hùng	11C5	Khá	Tốt

STT	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Trường	Lớp	Xếp loại	
		Nam	Nữ				Học lực	Hạnh kiểm
131	Tạ Huỳnh Đại	2004		Kinh	THPT Thiều Văn Chỏi	11	Giỏi	Tốt
132	Nguyễn Thị Thiên Kim		2004	Kinh	THPT Thiều Văn Chỏi	11	Giỏi	Tốt
133	Lê Thị Triệu Duy		2002	Kinh	THPT Thiều Văn Chỏi	11	Giỏi	Tốt
134	Lê Nguyễn Bình	2004		Kinh	THPT Thiều Văn Chỏi	11	Giỏi	Tốt
135	Trịnh Huỳnh Nhung		2004	Kinh	THPT Thiều Văn Chỏi	11	Giỏi	Tốt
136	Trương Bảo Duy	2003		Kinh	THPT Thiều Văn Chỏi	12	Giỏi	Tốt
137	Nguyễn Thanh Cao	2003		Kinh	THPT Thiều Văn Chỏi	12	Giỏi	Tốt
138	Nguyễn Thiị Thanh Trúc		2002	Kinh	THPT Thiều Văn Chỏi	12	Giỏi	Tốt
139	Trương Hải Toàn	2004		Kinh	THPT Thiều Văn Chỏi	11	Khá	Tốt
140	Nguyễn Hoàng Thiên Bảo	2003		Kinh	THPT Thiều Văn Chỏi	12	Giỏi	Tốt
141	Võ Thị Khả Ái		2003	Kinh	THPT Thiều Văn Chỏi	12	Khá	Tốt
142	Lê Quốc Thiên	2004		Kinh	THPT Huỳnh Hữu Nghĩa	10A1	Giỏi	Tốt
143	Nguyễn Trọng Phúc	2004		Kinh	THPT Huỳnh Hữu Nghĩa	10A2	Giỏi	Tốt
144	Đỗ Quốc Nhật	2004		Kinh	THPT Huỳnh Hữu Nghĩa	10A4	Giỏi	Tốt
145	Nguyễn Thị Kim Khoa		2004	Kinh	THPT Huỳnh Hữu Nghĩa	10A7	Giỏi	Tốt
146	Nguyễn Văn Quí	2003		Kinh	THPT Huỳnh Hữu Nghĩa	11A1	Giỏi	Tốt
147	Đoàn Phú Tài	2003		Kinh	THPT Huỳnh Hữu Nghĩa	11A1	Giỏi	Tốt
148	Trần Ngọc Diễm		2003	Kinh	THPT Huỳnh Hữu Nghĩa	11A4	Giỏi	Tốt
149	Bùi Thị Cẩm Quý		2003	Kinh	THPT Huỳnh Hữu Nghĩa	11A6	Khá	Tốt
150	Đặng Hồng Y		2004	Kinh	THPT Huỳnh Hữu Nghĩa	10A4	Khá	Tốt
151	Đoàn Văn Tính	2003		Kinh	THPT Mỹ Hương	11C3	Giỏi	Tốt
152	Trần Thị Ánh Nhi		2003	Kinh	THPT Mỹ Hương	11C3	Khá	Tốt
153	Tô Văn Hưởng	2003		Kinh	THPT Mỹ Hương	11C1	Giỏi	Tốt
154	Trần Quốc Kiệt	2004		Kinh	THPT Mỹ Hương	10C2	Khá	Tốt
155	Phan Trường An	2004		Kinh	THPT Mỹ Hương	10C3	Khá	Tốt
156	Tô Thị Phúc		2003	Kinh	THPT An Ninh	11C4	Giỏi	Tốt
157	Dương Thị Mỹ Ninh		2001	Khmer	THPT An Ninh	12C3	Khá	Tốt
158	Lam Bửu Đăng	2002		Kinh	THPT An Ninh	12C1	Giỏi	Tốt
159	Lê Lý Quỳnh Như		2002	Kinh	THPT An Ninh	12C2	Giỏi	Tốt
160	Hồ Văn Tình	2004		Kinh	THCS&THPT Mỹ Thuận	10A1	Giỏi	Tốt
161	Lê Kim Ngân		2004	Kinh	THCS&THPT Mỹ Thuận	10A1	Giỏi	Tốt
162	Trần Thị Huế Anh		2004	Kinh	THCS&THPT Mỹ Thuận	10A2	Khá	Tốt
163	Nguyễn Hồng Kỳ		2004	Kinh	THCS&THPT Mỹ Thuận	10A3	Giỏi	Tốt
164	Nguyễn Thị Hồng Ni		2003	Kinh	THCS&THPT Long Hưng	11A1	Giỏi	Tốt
165	Thạch Thị Thanh Thảo		2003	Khmer	THCS&THPT Long Hưng	11A1	Giỏi	Tốt
166	Nguyễn Thị Hồng Mai		2003	Kinh	THPT Mỹ Xuyên	11A1	Giỏi	Tốt
167	Triệu Thị Cẩm Ngọc		2003	Kinh	THPT Mỹ Xuyên	11A1	Giỏi	Tốt
168	Thạch Mỹ Hoa		2003	Khmer	THPT Mỹ Xuyên	11A2	Khá	Tốt
169	Huỳnh Thị Ngoc Huyền		2003	Kinh	THPT Mỹ Xuyên	11A2	Giỏi	Tốt
170	Phạm Thị Mỹ An		2001	Kinh	THPT Mỹ Xuyên	11A3	Giỏi	Tốt
171	Trương Hải Yến		2003	Kinh	THPT Mỹ Xuyên	11A3	Khá	Tốt
172	Lý Bình Dương	2003		Khmer	THPT Mỹ Xuyên	11A4	Khá	Tốt
173	Võ Thị Huyền Trân		2003	Kinh	THPT Mỹ Xuyên	11A4	Khá	Tốt
174	Trần Thị Yến Linh		2003	Kinh	THPT Mỹ Xuyên	11A5	Khá	Tốt
175	Dương Mỹ Vàng		2003	Khmer	THPT Mỹ Xuyên	11A6	Giỏi	Tốt
176	Trần Hạo Nam	2004		Kinh	THPT Mỹ Xuyên	10A1	Giỏi	Tốt
177	Trần Quý Thanh Tú			Kinh	THPT Mỹ Xuyên	10A2	Giỏi	Tốt

STT	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Trường	Lớp	Xếp loại	
		Nam	Nữ				Học lực	Hạnh kiểm
178	Trần Quốc Vương	2004		Kinh	THPT Mỹ Xuyên	10A2	Khá	Tốt
179	Nguyễn Hồ Thanh Ngọc		2003	Kinh	THPT Văn Ngọc Chính	11A1	Giỏi	Tốt
180	Bùi Thị Ngọc Mỹ		2003	Kinh	THPT Văn Ngọc Chính	11A2	Giỏi	Tốt
181	Trương Thị Kiều Mi		2002	Khmer	THPT Văn Ngọc Chính	12A1	Giỏi	Tốt
182	Đoàn Thị Xuân Mai		2002	Khmer	THPT Văn Ngọc Chính	12A1	Giỏi	Tốt
183	Thạch Thị Thơm		2004	Khmer	THPT Văn Ngọc Chính	10A4	Khá	Tốt
184	Huỳnh Văn To	2001		Kinh	THPT Văn Ngọc Chính	12A2	Giỏi	Tốt
185	Kim Cương	2002		Khmer	THPT Văn Ngọc Chính	12A4	Khá	Tốt
186	Nguyễn Thị Oanh Ni		2004	Khmer	THPT Văn Ngọc Chính	10A7	Khá	Tốt
187	Lê Thị Ngọc Thoa		2003	Kinh	THPT Hòa Tú	11	Khá	Tốt
188	Lê Duy Khang	2003		Kinh	THPT Hòa Tú	11	Khá	Tốt
189	Trần Thị Thúy Lin		2002	Kinh	THPT Hòa Tú	11	Khá	Tốt
190	Nguyễn Trần Ý Nguyện		2003	Kinh	THPT Hòa Tú	11	Giỏi	Tốt
191	Nguyễn Vinh	2003		Kinh	THPT Hòa Tú	11	Khá	Tốt
192	Trương Ngọc Mai		2004	Kinh	THPT Hòa Tú	10	Khá	Tốt
193	Huỳnh Minh Đan	2004		Kinh	THPT Hòa Tú	10	Khá	Tốt
194	Trần Quốc Đạt	2004		Kinh	THPT Hòa Tú	10	Khá	Tốt
195	Lý Hoàng Nhân	2003		Kinh	THPT Ngọc Tố	11A1	Giỏi	Tốt
196	Nguyễn Thị Minh Giang		2003	Kinh	THPT Ngọc Tố	11A2	Khá	Tốt
197	Trương Hoàng Đệ	2002		Kinh	THPT Ngọc Tố	12A1	Giỏi	Tốt
198	Nguyễn Thị Diễm My		2002	Kinh	THPT Ngọc Tố	11A1	Giỏi	Tốt
199	Ngô Văn Vui	2002		Kinh	THPT Ngọc Tố	12A1	Giỏi	Tốt
200	Danh Hậu	2003		Khmer	THCS&THPT DTNT Thạnh Phú	11A2	Giỏi	Tốt
201	Sơn Thị Ngọc Sao		2003	Khmer	THCS&THPT DTNT Thạnh Phú	11A1	Khá	Tốt
202	Sơn Bích Thảo		2004	Kinh	THPT Lương Định Của	10A1	Giỏi	Tốt
203	Cao Thanh Trúc		2004	Kinh	THPT Lương Định Của	10A2	Giỏi	Tốt
204	Trần Thị Bé Trinh		2004	Kinh	THPT Lương Định Của	10A5	Khá	Tốt
205	Đào Thị Cẩm Tú		2004	Khmer	THPT Lương Định Của	10A5	Khá	Tốt
206	Trần Thị Yến Nhi		2003	Kinh	THPT Lương Định Của	11A2	Khá	Tốt
207	Trần Thị Tiền		2002	Kinh	THPT Lương Định Của	11A2	Khá	Tốt
208	Trương Khánh Duy	2003		Kinh	THPT Lương Định Của	11A2	Giỏi	Tốt
209	Trần Thị Thanh Thủy		2003	Kinh	THPT Đại Ngãi	11A2	Khá	Tốt
210	Trần Hà Như Quỳnh		2003	Kinh	THPT Đại Ngãi	11A6	Khá	Tốt
211	Nguyễn Thị Yến Nhi		2003	Kinh	THPT Đại Ngãi	11A6	Giỏi	Tốt
212	Nguyễn Thị Mộng Thúy		2003	Kinh	THPT Đại Ngãi	11A6	Khá	Tốt
213	Trần Thanh Tuyền		2004	Kinh	THPT Đại Ngãi	10A2	Khá	Tốt
214	Trịnh Văn Sơn	2004		Kinh	THPT Đại Ngãi	10A2	Giỏi	Tốt
215	Lưu Kim Yến		2004	Kinh	THPT Đại Ngãi	10A3	Khá	Tốt
216	Trần Thị Ngọc Hân		2004	Kinh	THPT Đại Ngãi	10A4	Khá	Tốt
217	Trần Thùy Linh		2003	Kinh	THPT Đại Ngãi	11A1	Khá	Tốt
218	Trịnh Phúc Trường	2003		Kinh	THPT Đại Ngãi	11A5	Giỏi	Tốt
219	Trần Vũ Hà	2003		Kinh	THPT Đại Ngãi	11A3	Giỏi	Tốt
220	Nguyễn Minh Giàu	2003		Kinh	THCS&THPT Tân Thạnh	11A2	Khá	Tốt
221	Tô Quốc Khánh	2004		Kinh	THCS&THPT Tân Thạnh	10A1	Giỏi	Tốt

STT	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Trường	Lớp	Xếp loại	
		Nam	Nữ				Học lực	Hạnh kiểm
222	Ngô Thị Thanh Kiều		2003	Kinh	THCS&THPT Tân Thạnh	11A1	Giỏi	Tốt
223	Tô Ngọc Đến	2004		Kinh	THCS&THPT Tân Thạnh	10A3	Khá	Tốt
224	Nguyễn Trọng Nghĩa	2004	2002	Kinh	THCS&THPT Tân Thạnh	10A1	Giỏi	Tốt
225	Nguyễn Ngọc Em		2004	Kinh	THCS&THPT Tân Thạnh	10A1	Giỏi	Tốt
226	Trần Thị Anh Thư		2004	Kinh	THCS&THPT Dương Kỳ Hiệp	10A10	Giỏi	Tốt
227	Vũ Tuyết Ngọc		2004	Kinh	THCS&THPT Dương Kỳ Hiệp	10A10	Giỏi	Tốt
228	Nguyễn Mỹ Huyền		2003	Kinh	THCS&THPT Dương Kỳ Hiệp	11A9	Khá	Tốt
229	Nguyễn Hải Đăng	2004		Kinh	THPT Đoàn Văn Tố	10A6	Khá	Tốt
230	Trương Thị Cẩm Loan		2004	Kinh	THPT Đoàn Văn Tố	10A3	Giỏi	Tốt
231	Huỳnh Trung Trực	2003		Kinh	THPT Đoàn Văn Tố	11A3	Khá	Tốt
232	Trần Thị Hân		2003	Kinh	THPT Đoàn Văn Tố	11A6	Khá	Tốt
233	Nguyễn Lương Hoàng Kha	2004		Kinh	THPT Đoàn Văn Tố	10A2	Khá	Tốt
234	Nguyễn Thị Cẩm Đầy		2004	Kinh	THPT Đoàn Văn Tố	10A1	Giỏi	Tốt
235	Huỳnh Thị Thúy Duy		2003	Kinh	THPT Đoàn Văn Tố	11A8	Giỏi	Tốt
236	Đỗ Thị Hồng Yến		2004	Kinh	THPT Đoàn Văn Tố	10A4	Khá	Tốt
237	Nguyễn Hoàng Trọng	2003		Kinh	THPT Đoàn Văn Tố	11A1	Khá	Tốt
238	Nguyễn Thị Tường Vi		2004	Kinh	THPT An Thạnh 3	10A1	Khá	Tốt
239	Nguyễn Hoàng Tuấn	2004		Kinh	THPT An Thạnh 3	10A2	Khá	Tốt
240	Trần Thị Kim Liên		2004	Kinh	THPT An Thạnh 3	10A3	Khá	Tốt
241	Lại Quốc Huy	2003		Kinh	THPT An Thạnh 3	11A1	Khá	Tốt
242	Huỳnh Thị Phương Nghi		2003	Kinh	THPT Trần Văn Bảy	11A	Giỏi	Tốt
243	Dương Thị Huỳnh Như		2003	Kinh	THPT Trần Văn Bảy	11A	Giỏi	Tốt
244	Trần Thị Kim Chí		2003	Kinh	THPT Trần Văn Bảy	11B	Giỏi	Tốt
245	Nguyễn Xuân Bính	2003		Kinh	THPT Trần Văn Bảy	11C	Khá	Tốt
246	Nguyễn Ngọc Tuyết Nhi		2003	Kinh	THPT Trần Văn Bảy	11D	Khá	Tốt
247	Nguyễn Thanh Đệ	2003		Kinh	THPT Trần Văn Bảy	11A1	Khá	Tốt
248	Trần Bình Chánh	2003		Khmer	THPT Trần Văn Bảy	11A2	Giỏi	Tốt
249	Huỳnh Văn Bảo	2003		Kinh	THPT Trần Văn Bảy	11A4	Khá	Tốt
250	Thái Mỹ Ngân		3003	Kinh	THPT Trần Văn Bảy	11A7	Khá	Tốt
251	Lê Hải Vy		2004	Kinh	THPT Trần Văn Bảy	10A	Giỏi	Tốt
252	Lý Trần Mai Quỳnh		2004	Kinh	THPT Trần Văn Bảy	10B	Giỏi	Tốt
253	Tô Thị Hồng Huệ		2004	Kinh	THPT Trần Văn Bảy	10A2	Khá	Tốt
254	Đỗ Hồng Như		2004	Kinh	THPT Trần Văn Bảy	10A4	Giỏi	Tốt
255	Đặng Trần Minh Được	2004		Kinh	THPT Trần Văn Bảy	10A5	Khá	Tốt
256	Sơn Thị Mỹ Hạnh		2004	Khmer	THPT Trần Văn Bảy	10A7	Giỏi	Tốt
257	Thái Văn Khang	2004		Kinh	THPT Trần Văn Bảy	10A9	Khá	Tốt
258	Lý Mai Hương		2004	Khmer	THPT Trần Văn Bảy	10A10	Khá	Tốt
259	Võ Đông Vàng Anh	2003		Kinh	THPT Thạnh Tân	11A1	Khá	Tốt
260	Lê Tấn Đạt	2003		Kinh	THPT Thạnh Tân	10A1	Giỏi	Tốt
261	Cao Thị Hồng Chân		2004	Khmer	THPT Thạnh Tân	10A1	Giỏi	Tốt
262	Lâm Kiều Mi		2003	Kinh	THPT Thạnh Tân	11A1	Giỏi	Tốt
263	Hoàng Thị Huyền Trân		2003	Kinh	THPT Thạnh Tân	11A1	Khá	Tốt
264	Huỳnh Thị Diễm		2004	Kinh	THCS&THPT Hưng Lợi	10A1	Giỏi	Tốt
265	Sơn Thị Trúc Nhi		2004	Khmer	THCS&THPT Hưng Lợi	10A1	Giỏi	Tốt

STT	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Trường	Lớp	Xếp loại	
		Nam	Nữ				Học lực	Hạnh kiểm
266	Nguyễn Ngọc Mơ		2003	Kinh	THCS&THPT Hưng Lợi	11A1	Khá	Tốt
267	Thạch Thị Như Thảo		2002	Khmer	THCS&THPT Hưng Lợi	11A1	Khá	Tốt
268	Nguyễn Hồng Lý		2003	Kinh	THPT Mai Thanh Thế	11C7	Khá	Tốt
269	Phạm Đoàn Khả Hân		2003	Kinh	THPT Mai Thanh Thế	11C6	Giỏi	Tốt
270	Lê Nhựt Linh	2000		Kinh	THPT Mai Thanh Thế	11C3	Khá	Tốt
271	Huỳnh Thảo Sương		2003	Kinh	THPT Mai Thanh Thế	11C1	Giỏi	Tốt
272	Trần Thị Huyền Trân		2003	Kinh	THPT Mai Thanh Thế	11C4	Giỏi	Tốt
273	Nguyễn Ngọc Điền			Kinh	THPT Mai Thanh Thế	11C6	Khá	Tốt
274	Nguyễn Chí Nguyên	2003		Kinh	THPT Mai Thanh Thế	11C8	Giỏi	Tốt
275	Lâm Pháp	*2004*		Kinh	THPT Mai Thanh Thế	10C7	Khá	Tốt
276	Huỳnh Văn Chào		2004	Kinh	THPT Mai Thanh Thế	10C2	Giỏi	Tốt
277	Trần Trung Tín	2003		Kinh	THPT Mai Thanh Thế	11C6	Giỏi	Tốt
278	Nguyễn Thiện Trường	2004		Kinh	THPT Mai Thanh Thế	10C8	Khá	Tốt
279	Khưu Văn Thức	2004		Khmer	THPT Mai Thanh Thế	10T2	Giỏi	Tốt
280	Trần Yến Nguyễn		2004	Kinh	THPT Mai Thanh Thế	10C6	Giỏi	Tốt
281	Nguyễn Trường Thịnh	2003		Kinh	THPT Mai Thanh Thế	11C1	Giỏi	Tốt
282	Trương Kiều Mỵ		2003	Kinh	THPT Lê Văn Tám	11A	Giỏi	Tốt
283	Lê Kim Đính		2003	Kinh	THPT Lê Văn Tám	11A	Giỏi	Tốt
284	Thái Quang Linh	2003		Kinh	THPT Lê Văn Tám	11A	Giỏi	Tốt
285	Lê Thị Phương Thảo		2003	Kinh	THPT Lê Văn Tám	11C3	Khá	Tốt
286	Lên Văn Nhí	2003		Kinh	THPT Lê Văn Tám	11C4	Khá	Tốt
287	Nguyễn Bảo Ngọc		2003	Kinh	THPT Lê Văn Tám	10A	Giỏi	Tốt
288	Nguyễn Văn Khang	2004		Kinh	THPT Lê Văn Tám	10A	Khá	Tốt
289	Nguyễn Văn Hiền	2004		Kinh	THPT Ngã Năm	10C1	Giỏi	Tốt
290	Nguyễn Nhựt Phát	2004		Kinh	THPT Ngã Năm	10C2	Khá	Tốt
291	Trương Thanh Thảo		2002	Kinh	THPT Ngã Năm	11C1	Giỏi	Tốt
292	Mai Thị Như Ý		2002	Kinh	THPT Ngã Năm	11C1	Giỏi	Tốt
293	Nguyễn Thị Cẩm Thuỳ		2003	Kinh	THPT Ngã Năm	11C3	Khá	Tốt
294	Lý Tú Anh		2004	Hoa	THPT Nguyễn Khuyến	10A1	Giỏi	Tốt
295	Nguyễn Hồng Như		2003	Kinh	THPT Nguyễn Khuyến	10A4	Giỏi	Tốt
296	Lý Thị Ny Đa		2004	Khmer	THPT Nguyễn Khuyến	10A4	Giỏi	Tốt
297	Quách Dương Phương Thảo		2004	Hoa	THPT Nguyễn Khuyến	10A8	Khá	Tốt
298	Ngô Thị Cẩm Thu		2003	Kinh	THPT Nguyễn Khuyến	11A1	Giỏi	Tốt
299	Tăng Chanh	2003		Khmer	THPT Nguyễn Khuyến	11A4	Giỏi	Tốt
300	Đặng Châu Hữu Hạnh		2003	Kinh	THPT Nguyễn Khuyến	11A5	Giỏi	Tốt
301	Huỳnh Gia Huy	2003		Kinh	THPT Nguyễn Khuyến	11A6	Khá	Tốt
302	Lâm Yến Linh		2002	Hoa	THPT Nguyễn Khuyến	11A9	Giỏi	Tốt
303	Châu Thị Gia Hân		2002	Kinh	THPT Nguyễn Khuyến	12A1	Giỏi	Tốt
304	Lý Tuyết Nhi		2002	Hoa	THPT Nguyễn Khuyến	12A8	Giỏi	Tốt
305	Kim Thị Va Ry		2002	Khmer	THPT Vĩnh Hải	12A3	Giỏi	Tốt
306	Trần Công Nguyên	2003		Hoa	THPT Vĩnh Hải	11A2	Khá	Tốt
307	Huỳnh Thị Anh Thư		2002	Kinh	THPT Vĩnh Hải	12A1	Giỏi	Tốt
308	Phạm Phương Thảo		2002	Hoa	THPT Vĩnh Hải	12A2	Giỏi	Tốt
309	Đoàn Anh Thư		2004	Kinh	THPT Vĩnh Hải	10A5	Giỏi	Tốt
310	Võ Hồng Diễm		2003	Kinh	THCS&THPT Lai Hòa	11A2	Khá	Tốt
311	Huỳnh Ngọc Hân		2003	Kinh	THCS&THPT Lai Hòa	11A4	Giỏi	Tốt

STT	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Trường	Lớp	Xếp loại	
		Nam	Nữ				Học lực	Hạnh kiểm
312	Trần Thị Vân Minh		2003	Kinh	THCS&THPT Lai Hòa	10A4	Giỏi	Tốt
313	Vưu Nhật Yên		2003	Hoa	THCS&THPT Lai Hòa	10A2	Giỏi	Tốt
314	Huỳnh Bền	2003		Khmer	THCS&THPT Lai Hòa	10A1	Khá	Tốt
315	Lâm Văn Mới	2003		Khmer	THCS&THPT Lai Hòa	11A2	Giỏi	Tốt
316	Kim Thị Xà Cuôn		2002	Khmer	THCS&THPT Khánh Hòa	11A1	Giỏi	Tốt
317	Khưu Thanh Ìa	2003		Hoa	THCS&THPT Khánh Hòa	10A1	Giỏi	Tốt
318	Lý Thị Lan Anh		2004	Khmer	THCS&THPT Khánh Hòa	10A2	Khá	Tốt
319	Phạm Thị Thi		2003	Kinh	THCS&THPT Khánh Hòa	10A3	Giỏi	Tốt
320	Ngô Thị Bé Thắng		2004	Hoa	THCS&THPT Khánh Hòa	10A3	Giỏi	Tốt
321	Châu Văn Hiệp	2002		Khmer	THCS&THPT DTNT Vĩnh Châu	12A1	Khá	Tốt
322	Sơn Vil Na		2002	Khmer	THCS&THPT DTNT Vĩnh Châu	12A2	Khá	Tốt
323	Lý Minh Thiên	2003		Khmer	THPT Thuận Hòa	11C4	Giỏi	Tốt
324	Dương Đức Huy	2003		Kinh	THPT Thuận Hòa	11C2	Giỏi	Tốt
325	Lâm Thanh Tiền	2003		Khmer	THPT Thuận Hòa	11C7	Khá	Tốt
326	Nguyễn Phát Tài	2003		Kinh	THPT Thuận Hòa	11C8	Khá	Tốt
327	Kim Lý Trí Sáng	2003		Khmer	THPT Thuận Hòa	11C7	Khá	Tốt
328	Trần Văn Tường	2004		Kinh	THPT Thuận Hòa	10C1	Giỏi	Tốt
329	Dương Nguyễn Quỳnh Phương		2004	Kinh	THPT Thuận Hòa	10C2	Giỏi	Tốt
330	Dương Huỳnh Thiên Thư		2004	Kinh	THPT Thuận Hòa	10C5	Giỏi	Tốt
331	Lý Thị Hồng Đào		2004	Khmer	THPT Thuận Hòa	10C4	Khá	Tốt
332	Danh Thị Thương		2004	Khmer	THPT Thuận Hòa	10C10	Khá	Tốt
333	Thạch Lý Huyền Trang		2004	Khmer	THPT Thuận Hòa	10C2	Giỏi	Tốt
334	Nguyễn Thị Ngọc Mai		2004	Kinh	THPT Thuận Hòa	10C3	Giỏi	Tốt
335	Huỳnh Anh Thư		2002	Khmer	THPT Phú Tâm	12A3	Giỏi	Tốt
336	Thạch Thị Kiều Trinh		2002	Khmer	THPT Phú Tâm	12A2	Giỏi	Tốt
337	Ngô Vĩnh Hoài		2004	Khmer	THPT Phú Tâm	10A2	Khá	Tốt
338	Trần Anh Khoa	2004		Kinh	THPT Phú Tâm	10A3	Khá	Tốt
339	Lâm Thành Đạt		2003	Kinh	THPT Phú Tâm	11A3	Khá	Tốt
340	Thạch Thị Ánh Thư		2004	Khmer	THPT Phú Tâm	10A1	Khá	Tốt
341	Nguyễn Tài Quang	2004		Kinh	THPT Lịch Hội Thượng	10C1	Giỏi	Tốt
342	Kim Thị Ngọc Hân		2004	Kinh	THPT Lịch Hội Thượng	10C5	Khá	Tốt
343	Triệu Thu Linh		2004	Khmer	THPT Lịch Hội Thượng	10C3	Khá	Tốt
344	Dương Thị Mỹ Phượng		2004	Khmer	THPT Lịch Hội Thượng	10C7	Khá	Tốt
345	Ly Thị Tuyết Ngân		3001	Kinh	THPT Lịch Hội Thượng	11C1	Khá	Tốt
346	Nguyễn Yến Linh		2003	Kinh	THPT Lịch Hội Thượng	11C2	Khá	Tốt
347	Thạch Nhũ Thành	2003		Khmer	THPT Lịch Hội Thượng	11C5	Khá	Tốt
348	Kim Đạt	2002		Khmer	THPT Lịch Hội Thượng	11C6	Khá	Tốt
349	Trần Triệu Duy		2003	Hoa	THPT Lịch Hội Thượng	11C7	Khá	Tốt
350	Nguyễn Thanh Trường	2003		Kinh	THCS&THPT Trần Đề	11A1	Khá	Tốt
351	Kim Nam	2003		Khmer	THCS&THPT Trần Đề	11A2	Khá	Tốt
352	Trần Tiểu Yến		2004	Kinh	THCS&THPT Trần Đề	10A1	Khá	Tốt
353	Huỳnh Thị Thùy Trinh		2004	Kinh	THCS&THPT Trần Đề	10A1	Khá	Tốt
354	Phạm Thị Lan Anh		2004	Kinh	THCS&THPT Trần Đề	10A2	Khá	Tốt
355	Phan Thanh Hải	2004		Kinh	THCS&THPT Trần Đề	10A4	Khá	Tốt

STT	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Trường	Lớp	Xếp loại	
		Nam	Nữ				Học lực	Hạnh kiểm
C	**CAO ĐẲNG**				**51 SUẤT**			
356	Trịnh Ngọc Lợi		1997	Kinh	CĐCĐ Sóc Trăng	Xét nghiệm	Giỏi	Tốt
357	Tô Huỳnh Ngọc Trâm		1999	Kinh	CĐCĐ Sóc Trăng	Điều dưỡng	Giỏi	Tốt
358	Sơn Thị Phương Loan		1999	Kinh	CĐCĐ Sóc Trăng	Điều dưỡng	Khá	Tốt
359	Nguyễn Hữu Thừa	1999		Kinh	CĐCĐ Sóc Trăng	Điều dưỡng	Khá	Tốt
360	Trịnh Hoài Tâm		2000	Kinh	CĐCĐ Sóc Trăng	Điều dưỡng	Giỏi	Tốt
361	Dương Hồng Chơn	2000		Kinh	CĐCĐ Sóc Trăng	Điều dưỡng	Khá	Tốt
362	Thái Tiểu Uyên		1998	Kinh	CĐCĐ Sóc Trăng	Dược	Xuất sắc	Tốt
363	Huỳnh Như Ý		1999	Kinh	CĐCĐ Sóc Trăng	Dược K1	Khá	Tốt
364	Trần Thị Thanh Xuân		1999	Kinh	CĐCĐ Sóc Trăng	Dược K1	Giỏi	Tốt
365	Lê Thị Huỳnh Như		2000	Kinh	CĐCĐ Sóc Trăng	Dược K2	Khá	Tốt
366	Huỳnh Đức Nhựt	2000		Kinh	CĐCĐ Sóc Trăng	Dược K2	Khá	Tốt
367	Lê Thị Hồng Ngọc		2000	Kinh	CĐCĐ Sóc Trăng	Dược K2	Khá	Tốt
368	Huỳnh Tiến Đạt	1999		Kinh	CĐCĐ Sóc Trăng	Tiếng Anh	Khá	Xuất sắc
369	Trương Mộng Thường		2004	Khmer	CĐCĐ Sóc Trăng	Trung cấp Pháp luật K13	Khá	Tốt
370	Nguyễn Khánh Toàn	1999		Khmer	CĐCĐ Sóc Trăng	Tin học ứng dụng	Xuất sắc	Tốt
371	Huỳnh Thiên Long	2000		Kinh	CĐCĐ Sóc Trăng	Tin học ứng dụng	Giỏi	Tốt
372	Đặng Kỳ Tài	2000		Kinh	CĐCĐ Sóc Trăng	Tin học ứng dụng	Giỏi	Tốt
373	Trần Anh Thư		2000	Kinh	CĐCĐ Sóc Trăng	Kế toán 1 - K12	Khá	Tốt
374	Lê Thị Anh Thư		1999	Kinh	CĐCĐ Sóc Trăng	Quản trị văn phòng	Khá	Tốt
375	Vương Kiều Phương		2000	Hoa	CĐCĐ Sóc Trăng	Quản trị văn phòng	Khá	Xuất sắc
376	Dương Minh Khánh	2000		Kinh	CĐCĐ Sóc Trăng	Quản trị kinh doanh K12	Khá	Xuất sắc
377	Nguyễn Thị Kim Yến		2000	Kinh	CĐCĐ Sóc Trăng	Quản trị kinh doanh K12	Giỏi	Xuất sắc

STT	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Trường	Lớp	Xếp loại	
		Nam	Nữ				Học lực	Hạnh kiểm
378	Trần Thanh Bình	2000		Kinh	CĐCĐ Sóc Trăng	Quản trị kinh doanh K12	Khá	Tốt
379	Trần Huỳnh Hồng Thắm		2000	Kinh	CĐCĐ Sóc Trăng	Kế toán 2 - K12	Giỏi	Tốt
380	Huỳnh Minh Nguyễn Hưng	1999		Kinh	CĐCĐ Sóc Trăng	Kế toán 2 - K12	Khá	Tốt
381	Trịnh Thị Kim Tiến		2000	Kinh	CĐCĐ Sóc Trăng	Anh văn 24	Khá	Xuất sắc
382	Mai Hoàng Châu		2000	Kinh	CĐCĐ Sóc Trăng	Anh văn 24	Khá	Xuất sắc
383	Nguyễn Thị Kiều Khanh		2000	Kinh	CĐCĐ Sóc Trăng	Mầm non 24A	Giỏi	Xuất sắc
384	Danh Thị Thuỷ Tiên		2000	Khmer	CĐCĐ Sóc Trăng	Mầm non 24A	Giỏi	Xuất sắc
385	Trần Thị Mỹ Hằng		2000	Khmer	CĐCĐ Sóc Trăng	Mầm non 24A	Khá	Xuất sắc
386	Hứa Ngọc Phương		2000	Kinh	CĐCĐ Sóc Trăng	Mầm non 24A	Khá	Xuất sắc
387	Thạch Thị Thu Thảo		2000	Khmer	CĐCĐ Sóc Trăng	Mầm non 24A	Khá	Tốt
388	Trần Thị Diệu Hiền		2000	Kinh	CĐCĐ Sóc Trăng	Mầm non 24A	Khá	Xuất sắc
389	Lê Lâm Thảo Lời		2000	Kinh	CĐCĐ Sóc Trăng	Mầm non 24B	Khá	Xuất sắc
390	Huỳnh Hoa Kim		2000	Kinh	CĐCĐ Sóc Trăng	Mầm non 24B	Khá	Xuất sắc
391	Trần Thị Cẩm Lên		1999	Kinh	CĐCĐ Sóc Trăng	Mầm non	Giỏi	Xuất sắc
392	Huỳnh Thanh Tiến	1999		Khmer	Cao đẳng Nghề Sóc Trăng	Cắt gọt kim loại	Giỏi	Xuất sắc
393	Nguyễn Dương Vương	2003		Kinh	Cao đẳng Nghề Sóc Trăng	Cắt gọt kim loại	Khá	Tốt
394	Trần Hửu Thọ	2002		Kinh	Cao đẳng Nghề Sóc Trăng	Trung cấp Công nghệ ô tô TOT 181	Khá	Xuất sắc
395	Thạch Văn Thắng	2002		Khmer	Cao đẳng Nghề Sóc Trăng	Công nghệ ô tô	Khá	Tốt
396	Võ Văn Kiên	2000		Kinh	Cao đẳng Nghề Sóc Trăng	Điện công nghiệp	Xuất sắc	Xuất sắc

STT	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Trường	Lớp	Xếp loại	
		Nam	Nữ				Học lực	Hạnh kiểm
397	Huỳnh Quốc Vinh	2000		Hoa	Cao đẳng Nghề Sóc Trăng	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	Khá	Tốt
398	Phạm Văn Vịnh	2001		Kinh	Cao đẳng Nghề Sóc Trăng	Cao đẳng Điện công nghiệp CDC191.L	Xuất sắc	Tốt
399	Huỳnh Thanh Rồng	2000		Kinh	Cao đẳng Nghề Sóc Trăng	Điện công nghiệp	Khá	Tốt
400	Phạm Đoàn Bá	1998		Kinh	Cao đẳng Nghề Sóc Trăng	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	Xuất sắc	Xuất sắc
401	Nguyễn Thị Thanh Loan		2001	Kinh	Cao đẳng Nghề Sóc Trăng	Cao đẳng Kế toán doanh nghiệp CKT191	Khá	Xuất sắc
402	Lê Thị Kim Trưởng		2000	Kinh	Cao đẳng Nghề Sóc Trăng	Kế toán doanh nghiệp	Giỏi	Xuất sắc
403	Nguyễn Thị Thảo Nhân		2004	Kinh	Cao đẳng Nghề Sóc Trăng	Chế biến và bảo quản thủy sản	Giỏi	Tốt
404	Lê Thị Cẩm Khỏa		2000	Kinh	Cao đẳng Nghề Sóc Trăng	Cao đẳng Chế biến và bảo quản thủy sản CTS 181	Giỏi	Tốt

STT	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Trường	Lớp	Xếp loại	
		Nam	Nữ				Học lực	Hạnh kiểm
405	Mai Thị Sà Bộ		2000	Khmer	Cao đẳng Nghề Sóc Trăng	Chế biến và bảo quản thủy sản	Khá	Tốt
406	Thạch Thị Chành Tây		2001	Khmer	Cao đẳng Nghề Sóc Trăng	Chế biến và bảo quản thủy sản	Khá	Tốt
	TỔNG CỘNG (A+B+C)				**406 SUẤT**			

Ấn định danh sách có 406 học sinh, sinh viên được xét cấp học bổng khuyến học, khuyến tài "Lương Định Của" năm 2020.

Trong đó: Khuyến tài: 50 suất; Khuyến học THPT: 305 suất; Cao đẳng: 51 suất./.